

Light

MODULO S1PS SANDAL

MODULOS1PS

Sandal an toàn siêu thoáng khí

mái thấm hút giày MODULO là sự kết hợp tính năng
an thoáng khí, lót chống ESD, và ngón chân an toàn, v.v.
Được làm từ nguyên chất thu

CO2 9.23 kg



BLK



GRY



112

Những vật liệu cao cấp hơn nhỏ	sợ
lót bên trong	i tái chế lướ
trong Đ	ệm chân SJ làm từ mút tái chế (96% vật liệu tái chế)
iữa đế g	ệt chống thủ
ngoài Đ	BASF PU/BASF PU
u Đứng đầ	Nanocarbon
i Loạ	S1 PS / SR, SC, FO, ESD
Phạm vi kích thước	EU 35-48 / UK 3.0-13.0 / US 3.0-13.5 JPN 21.5-31.5 / KOR 230-315
ng lượng thép	0.550 kg
ẩn hiệu chu	ASTM F2413:2018 EN ISO 20345:2022+A1:2024 IS 15298 (Part 2): 2016



Trọng lượng nhẹ chống **đâm** thủng
i, siêu lin không gỉ kiểu nhẹ chống đâm thủng. Bao phủ
100% này không gỉ



mũi chống **mài mòn (SC)**
Vật liệu che phủ mũi giày đã được
thử nghiệm riêng hao mòn
liệu trên (ví dụ: khi quỳ) và mở
giày an toàn



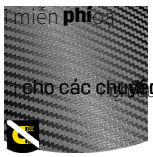
(SR) Chống t
dây SRA/SRB/SRC. SR có nghĩa là phép thử
giày, kiểm tra trong phòng và đã



hấp thụ **gót chân**
Sự hấp thụ năng lượng ở gót
chân cảm
mang. ười



ẩn **chay** thu
Không
ử dụng



miễn **phí**
cho các chuyên

Kim |
Giày an toàn không có giày an
toàn thông thường. Chúng cũng

Công nghiệp **n:**
Biên t ập , lĩnh vự c **ô tô, Ngành công** n g**hiệ**n**p** , hậ

ường: **Môi** t
r ơn **môi khô,** Bề mặt cự c mịn

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t **giày, chúng tôi khuyên bạn nên** v ệ **sinh giày** thư ờn g **xuyên và** bảo v ệ **chúng** bằng phẳng **cách** hàng **Không** trên lò

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật liệu sợ **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng ấm ớ	? 0.8	8.20		ờ	mg/cm/g
	Top: hi ệ số ớ	? 15	68			mg/cm2
ót bên trong	i **tái** ch ế ớ					
	L ớp **lót:** ấm ớ	? 2	60.62		ờ	mg/cm/g
	lót: hi ệ số ớ	? 20	485			mg/cm2
rong Đ ệ m **chân SJ làm** t ừ **mút tái** ch ế **(96%** vật l iệu **tái** ch ế)						
	ệ m chân Đ ộ b ền ch ố n g mài mòn (khô/ ướ t) (chu kỳ)	25600/12800	Dry 25600 cycles/Wet 12800 cycles			chu kỳ
goài Đ	**BASF PU/BASF PU**					
	Ch ỉ số ma sát **mài mòn** ế ngoài (	? 150	127mm³ (Density:1.09g/cm³)			mm
	Chư ớ ợt **gót** bản - Ceramic + NaLS - Trư ợt **gót** v ề phía t	? 0.31	0.33			ma sát
r	Cặ ợt cố ớ bằng G ố m + NaLS - Trư ợt **lùi** v ề phía t	? 0.36	0.42			ma sát
r	Cặ ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt **gót** phía t	? 0.19	0.22			ma sát
	Chư ớ ợt SR G ố m + Glycerin - Trư ợt v ề phía t	? 0.22	0.25			ma sát
ị ch ố	Giá t g tĩnh điệ n	0.1 - 1000	31.5			megaohm
ị ESD	Giá t	0.1 - 100	21			megaohm
	Hấp thụ năng l ợ **gót** chân ủ	? 20	31			J
Đ ứ n g đầ	**Nanocarbon**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách** sau va đập 100J)	N/A	N/A			mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A	N/A			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g **cách** sau va đập 200J)	? 14	15.5			mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14	21.0			mm

kích thước thép: 42

a chú ý không có thay thế. nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có bằng văn của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO#** phát thả					
	V ật l iệu		6.88		kg
	Bao bì		0.20		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			9.23 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	Đ q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		13%	
	Bao bì		18%	

Tính toán CO2:
rị đ **Các** làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng **các** công cụ tính toán **CO2** Giầy đổi.